

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 73/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2017

V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vi Quốc Thanh

2. Bà Dương Thị Diễm Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc: Bà Huỳnh Thị Châm – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 154/2017/TLST-HN ngày 09 tháng 5 năm 2017 về việc “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2017/QĐST – HNGĐ ngày 03/8/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2017/QĐST-HN ngày 18/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Như T, sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã K, huyện M, tỉnh B.

2. Bị đơn: Nguyễn Văn M, sinh năm 1985 (Vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: ấp C, xã N, huyện M, tỉnh B.

PHẦN NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như T trình bày: Chị T và anh Nguyễn Văn M kết hôn vào năm 2016, dựa trên điều kiện mai mối nhưng anh chị đồng ý đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn, anh chị sống không có hạnh phúc, theo chị T trình bày nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh M không chăm sóc, quan tâm chị T, anh M đi làm về đưa tiền cho cha mẹ mà không đưa cho vợ nên chị T không có tiền tiêu xài, quan hệ sinh lý của vợ chồng không phù hợp nhau, khi có con anh M cũng không quan tâm chăm sóc vợ con và anh M cũng không có xa giao với bên vợ. Chị T và anh M ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay, trong thời gian ly thân anh M,

chị T có bàn bạc đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý đoàn tụ. Nay chị T xin ly hôn do không còn tình cảm với anh M, nếu anh M khắc phục nguyên nhân mất hạnh phúc chị T cũng không đồng ý đoàn tụ.

Con chung: Cháu Nguyễn Thị Gia H, sinh ngày 21/12/2017 hiện đang sống với chị T. Nay chị T xin nuôi con, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu H tròn 18 tuổi.

Tài sản chung của vợ chồng là nữ trang ngày cưới gồm 09 chỉ vàng 24K 9999 và 01 chỉ vàng 18K. Hiện chị T đang quản lý đôi bông 01 chỉ vàng 24 và cặp nhẫn 01 chỉ vàng 18K. Phần 08 chỉ vàng 24K 9999 còn lại chị T gửi cho mẹ chồng là bà Nguyễn Thị T cất giữ. Chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày: Thời gian và điều kiện kết hôn như T trình bày. Nguyên nhân mất hạnh phúc anh M không biết. Do anh M là con út trong gia đình nên phải sống chung cha mẹ và lo cho gia đình. Các lần đám tiệc bên vợ do anh M đi làm ăn xa nên không về tham dự mà để chị T đi. Khi chị T về bên ruột sống anh M và cha mẹ có thường qua thăm và có mua sữa và quà cho cháu H. Nay anh M còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn. Nếu tòa án cho ly hôn anh M không có khả năng cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T vì anh làm hồ thu nhập mỗi ngày khoảng 150.000 đồng nhưng công việc không ổn định và phải chăm sóc cha mẹ.

Về tài sản chung: anh M đồng ý với ý kiến của chị T, không yêu cầu tòa giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự trong quá trình thụ lý và giải quyết thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần giải quyết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Xin ly hôn*” theo quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn anh Nguyễn Văn M có nơi cư trú tại ấp C, xã N, huyện M nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

[2] Chị Nguyễn Thị Như T và anh Nguyễn Văn M kết hôn vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Như T, chị T cho rằng nguyên nhân vợ chồng mất hạnh phúc là do anh M không quan tâm chị T, anh M không thường xuyên về bên vợ, sau khi chị T sinh con anh M cũng không quan tâm chăm sóc và quan hệ sinh lý của vợ chồng không hòa hợp. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của chị T và anh M trên cơ sở mai mối nhưng anh chị tự nguyện đến hôn nhân. Anh M thừa nhận do sống chung cha mẹ nên anh phải chăm sóc cha mẹ và do đi làm nên anh không về bên chị T trong những ngày lễ và tiệc tùng. Nay anh còn thương vợ, thương con nên xin đoàn tụ nhưng từ khi ly thân đến nay anh M không đưa ra được hướng khắc phục nguyên nhân mất hạnh phúc để chị T và anh M về đoàn tụ. Tại tòa chị T giữ quan điểm xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên nhân mất hạnh phúc giữa anh M và chị T ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Như T yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Thị Gia H, sinh ngày 21/12/2017, trong quá trình hòa giải anh M cũng đồng ý để chị T nuôi con nếu vợ chồng ly hôn nên tòa ghi nhận. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng của chị T nhưng anh M không đồng ý cấp dưỡng vì anh M không có nghề nghiệp ổn định. Hội đồng xét thấy người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo điều **84 Luật Hôn nhân và Gia đình**, cháu H mới 09 tháng tuổi nên để đáp ứng nhu cầu nuôi một người con còn nhỏ là rất cao. Vì vậy, chị T yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp nên được chấp nhận.

Anh Nguyễn Văn M đã được tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh M.

[4] Tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Như T và anh Nguyễn Văn M không yêu cầu tòa giải quyết nên không xem xét.

[5] Nợ chung: Chị Nguyễn Thị Như T và anh Nguyễn Văn M trình bày không có nên không đề cập.

[6] Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, chị Nguyễn Thị Như T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Nguyễn Văn M phải nộp là 300.000 đồng.

Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Như T.

Chị Nguyễn Thị Như T được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

2. Về nuôi con chung: Chị T được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị Gia H, sinh ngày 21/12/2017, anh M phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 9 năm 2017 đến khi cháu H tròn 18 tuổi, hình thức cấp dưỡng mỗi tháng một lần.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình

không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Như T và anh Nguyễn Văn M không yêu cầu tòa giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị T, anh M trình bày không có nên không đề cập.

5. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Như T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu 0008455 ngày 09/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, chị T không phải nộp thêm.

Áp phí cấp dưỡng nuôi con anh Nguyễn Văn M phải nộp là 300.000 đồng.

Án phí sung vào công quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Thúy